**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS CẦU KIỆU**  **TỔ: SỬ-ĐỊA-NGHỆ THUẬT&THỂ CHẤT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN LỊCH SỬ KHỐI 8, KHỐI 9**

(Năm học 2022 - 2023)

**PHẦN A: KHỐI 8**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 5 lớp**; Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 2 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 01; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài học | Ghi chú |
| 1 | - Bản đồ TG  - Lược đồ cuộc nội chiến ở Anh, 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ | 1 | Bài 1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên |  |
| 2 | - Bản đồ TG, hình ảnh trong sách giáo khoa. | 1 | Bài 2.Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII |  |
| 3 | giáo án, sách giáo khoa | 2 | Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới |  |
| 4 | - Tranh ảnh, SGK  - Chân dung C.Mác, Phi Ăng-ghen, Lênin | 2 | **Chủ đề: Phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX** |  |
| 5 | - Sử dụng các BĐ trong SGK  - Sử dụng các kênh hình trong SGK | 1 | Bài 5.Công xã Pari 1871) |  |
| 6 | Sử dụng các lược đồ trong SGK  - Sử dụng các kênh hình trong SGK | 1 | Bài 6. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX |  |
| 7 | Video, hình ảnh tư liệu liên quan | 1 | **Chủ đề: Sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn hóa thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XX** |  |
| 8 | Lược đồ khởi nghĩa Xi-pay ở Ấn Độ, hình ảnh liên quan | 1 | Bài 9. Ấn Độ thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX |  |
| 9 | Hình ảnh, tư liệu vể các cuộc khởi nghĩa | 1 | Bài 10. Trung Quốc giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX |  |
| 10 | Video, hình ảnh tư liệu liên quan | 1 | Bài 11. Các nước Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX |  |
| 11 | Hình ảnh, tư liệu về cuộc Duy Tân Minh Trị | 1 | Bài 12. Nhật Bản giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX |  |
| 12 | Phiếu học tập | 1 | Ôn tập |  |
| 13 | Lược đồ chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918 | 1 | Bài 13. Chiến tranh thế giới thứ nhất(1914-1918) |  |
| 14 | Hình ảnh liên quan | 1 | Bài 15. Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 - 1921) |  |
| 15 | Bản đồ Liên Xô; tranh ảnh về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.. | 1 | Bài 16. Liên xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 - 1941) |  |
| 16 | Bản đồ châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918). | 1 | Bài 17. Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) |  |
| 17 | sách giáo khoa, những hình ảnh về kinh tế Mĩ và xã hội Mĩ.., | 1 | Bài 18. Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thếgiới(1914-1939) |  |
| 18 | Hình ảnh, tư liệu liên quan | 1 | Bài 19. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) |  |
| 19 | Hình ảnh,tư liệu liên quan | 1 | Bài 20. Phong trào độc lập dân tộc ở Châu Á (1918 - 1939) |  |
| 20 | -Lược đồ châu Âu những năm trước chiến tranh thế giới thứ hai  - Lược đồ chiến tranh Liên Xô- Đức  - Lược đồ trận Xta-lin-grat | 1 | Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) |  |
| 21 | Tranh ảnh liên quân pháp xâm lươc, Trương định nhận phong soái; ….  .Lược đồ ĐNA trước sự xâm lược của CNTD PT; Lược đồ chiến trường Đà Nằng  - Hình ảnh,tư liệu liên quan | 1 | Bài 24: Cuộc kháng chiến từ 1858-1873 |  |
| 22 | Hình ảnh,tư liệu liên quan | 1 | Bài 25:Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873-1884) |  |
| 23 | Tài liệu tham khảo, tranh ảnh chân dung vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết.  - Lược đồ: kinh thành Huế năm 1885 | 1 | Bài 26. Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỷ XIX |  |
| 24 | các tư liệu liên quan đến bài dạy Lược đồ khởi nghĩa Yên Thế | 1 | Bài 27. Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỷ XIX |  |
| 25 | Hình ảnh,tư liệu liên quan | 1 | Lịch sử địa phương |  |
| 26 | Phiếu học tập, bảng nhóm | 1 | Làm bài tập lịch sử |  |
| 27 | Tài liệu về các nhân vật lịch sử: Nguyễn Trường Tộ | 1 | Bài 28. Trào lưu cải cách Duy Tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX |  |
| 28 | -tranh ảnh trong SGK.  -Các tư liệu về cuộc khai thác bóc lột lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897-1914), phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX | 1 | **Chủ đề: Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp tư đầu thế kỉ XX đến năm 1918** |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Sử dụng tivi dạy giáo án điện tử | 4 | Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới  Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)  Bài 28. Trào lưu cải cách Duy Tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX  **Chủ đề: Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp tư đầu thế kỉ XX đến năm 1918** |  |
| 2 | Phòng thư viện | 2 | Làm bài tập lịch sử  Lịch sử địa phương |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | Bài 1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên | 2 | - Những chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội ở châu Âu trong các thế kỉ XVI - XVII.  - Mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa lực lượng sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa với chế độ phong kiến. Từ đó, thấy được cuộc đấu tranh giữa tư sản và quý tộc phong kiến tất yếu nổ ra.  - Cách mạng Hà Lan - cuộc cách mạng tư sản đầu tiên.  - Chỉ tập trung vào nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của cuộc cách mạng Anh, Bắc Mĩ - Lập được bảng niên biểu các sự kiện tiêu biểu của cách mạng Anh, Bắc Mĩ |
| 2 | Bài 2.Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | 2 | - Tình hình kinh tế và xã hội Pháp trước cách mạng.  - Tập trung vai trò của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng  -Học sinh lập niên biểu các sự kiện chính. Nêu được phát triển của cách mạng |
|  |  |  |  |
| 3 | Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới | 2 | - Một số phát minh chủ yếu về kĩ thuật và quá trình công nghiệp hoá ở các nước Âu - Mĩ từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.  - Đánh giá được hệ quả kinh tế, xã hội của cách mạng công nghiệp. |
| 4 | **Chủ đề: Phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX** | 4 | Biết được các nội dung:  -Nguyên nhân  - Các cuộc tranh tiêu biểu (phá máy, đốt  công xưởng, khởi nghĩa ở Pháp, Đức, cách mạng Nga 1905 – 1907 chỉ cần lập bảng niên biểu các sự kiện chính)  - Sự ra đời chủ nghĩa Mác và các tổ chức  Quốc tế |
| 5 | Bài 5.Công xã Pari 1871) | 1 | -Nhận biết về hoàn cảnh ra đời của Công xã Pa-ri ; những nét chính về diễn biến cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871 và sự ra đời Công xã Pa-ri  -Trình bày được ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri |
| 6 | Bài 6. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX | 2 | - Những nét chính về các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mĩ.  + Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế.  + Những đặc điểm về chính trị, xã hội. |
| 7 | **Chủ đề: Sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn hóa thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XX** | 3 | -Nhận biết được những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật :  -Biết được những tiến bộ tiêu biểu về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội :  -Trình bày sự phát triển của văn học nghệ thuật |
| 8 | Bài 9. Ấn Độ thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX | 1 | -Biết được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị - xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX, nguyên nhân của tình hình đó  -Chủ yếu nêu tên, hình thức phong trào đấu tranh tiêu biểu và ý nghĩa của phomg trào |
| 9 | Bài 10. Trung Quốc giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX | 1 | -Nhận biết được những nét chính về quá trình phân chia, xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc từ giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX  -Học sinh lập niên biểu phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX  -Trình bày được nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi |
| 10 | Bài 11. Các nước Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX | 1 | -Biết được quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á  -Tập trung vào quy mô, hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân các nước Đông Nam Á. -Nêu nguyên nhân thất bại |
| 11 | Bài 12. Nhật Bản giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX | 1 | Trình bày được những nội dung chính, ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị |
| 12 | Bài 13. Chiến tranh thế giới thứ nhất(1914-1918) | 2 | -Biết rõ sự phát triển không đều giữa các nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và giải thích được mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa là nguyên nhân sâu xa của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất :  -Lập bảng niên biểu các diễn biến chính của chiến tranh  -Trình bày được kết cục của chiến tranh |
| 13 | Bài 15. Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 - 1921) | 2 | -Tập trung vào hoàn cảnh và những sự kiện tiêu biểu  -Biết Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười |
| 14 | Bài 16. Liên xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 - 1941) | 1 | -Biết được nội dung Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế  -Tập trung nêu được thành tựu chính công cuộc xây dựng XHCN ở Liên Xô |
| 15 | Bài 17. Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 1 | Nhận biết được những nét chung về châu Âu trong những năm 1918 - 1929 |
| 16 | Bài 18. Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 1 | -Biết được tình kinh tế nước Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX |
| 17 | Bài 19. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | 1 | -Biết được tình kinh tế nước Nhật trong thập niên 20 của thế kỉ XX |
| 18 | Bài 20. Phong trào độc lập dân tộc ở Châu Á (1918 - 1939) | 2 | -Biết được những nét chính của phong trào độc lập dân tộc ở châu Á trong những năm 1918 – 1939  -Học sinh lập niên biểu 1sự kiện tiêu biểu ở Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a |
| 19 | Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) | 2 | -Biết được những nét chính về quá trình dẫn đến chiến tranh -nguyên nhân chiến tranh  -HS lập niên biểu các sự kiện chính của chiến tranh  -Biết được kết cục của cuộc chiến tranh |
| 20 | Bài 24: Cuộc kháng chiến từ 1858-1873 | 2 | -Biết được diễn biến cuộc kháng chiến ở Đà Nẵng và ba tỉnh miền Đông Nam Kì -cuộc kháng chiến lan rộng ra ba tỉnh miền Tây |
| 21 | Bài 25:Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873-1884) | 2 | -Tập trung vào sự kiện tiêu biểu, những diễn biến chính, tập trung vào cuộc kháng chiến ở Hà Nội (1873 – 1882) |
| 22 | Bài 26. Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỷ XIX | 2 | -Nội dung hoàn cảnh phong trào Cần Vương  -Học sinh lập niên biểu các phong trào tiêu biểu của phong trào Cần Vương |
| 23 | Bài 27. Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỷ XIX | 1 | Nêu được nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa - Lập niên biểu các các giai đoạn phát triển của khởi nghĩa - Rút ra được nguyên nhân thất bại |
| 24 | Lịch sử địa phương | 1 | Những sự kiện thể hiện tinh thần kháng chiến chống Pháp của nhân dân Sài Gòn |
| 25 | Bài 28. Trào lưu cải cách Duy Tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX | 1 | -Biết các đề nghị cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX  -Kết cục của các đề nghị cải cách |
| 26 | **Chủ đề: Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp tư đầu thế kỉ XX đến năm 1918** | 4 | - Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp - Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam -Hoạt động yêu nước tư đầu thế kỉ XX đến năm 1918 |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 11 | - Đánh giá được hệ quả kinh tế, xã hội của cách mạng công nghiệp.  -Trình bày được ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri  - Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Sự phát triển không đều của các nước  -Nhận biết được những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật  -Biết được những tiến bộ tiêu biểu về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội : | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 19 | Nắm được các nội dung đã học trong học kì I | Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 28 | -Các cuộc kháng chiến tiêu biểu từ 1858-1873  -Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần Vương  Biết được nguyên nhân, trình bày diễn biến theo lược đồ và kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Yên Thế | Tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Nắm được các nội dung đã học trong học kì II | Tự luận |

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................

**PHẦN B: KHỐI 9**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 5 lớp**; Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 2 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 01 Đại học: 0 ; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[3]](#footnote-3):** Tốt: 0; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Thời điểm**  **(3)** | **Thiết bị dạy học**  **(4)** | **Địa điểm dạy học**  **(5)** |
|  | Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX  (tiếp theo) | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 3. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 4. Các nước châu Á | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 5. Các nước Đông Nam Á | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 6. Các nước châu Phi | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 7. Các nước Mĩ la-tinh | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 8. Nước Mĩ | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 9. Nhật Bản | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 10. Các nước Tây Âu | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 11. Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 12. Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học − kĩ thuật | 1 | HK1 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 16.NhữnghoạtđộngcủaNguyễnáiQuốc ở nướcngoàitrongnhữngnăm 1919 - 1925. | 1 | HK2 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 17.CáchmạngViệt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời. | 1 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 18: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời . | 2 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 19: Phong trào cách mạng trong những năm 1930 -1935 | 1 | HK2 | Tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 21.Việt Nam trongnhữngnăm 1939 - 1945 | 1 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 22. Cao tràocáchmạngtiếntớiTổngkhởinghĩathángTám 1945. | 1 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 23.TổngkhởinghĩathángTámnăm 1945 vàsựthànhlập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. | 1 | HK2 | Lược đồ, tranh ảnh | Lớp học |
|  | Bài 24.Cuộcđấutranhbảovệvàxâydựngchínhquyềndânchủnhândân (1945 - 1946). | 2 | HK2 | Phiếu học tập | Lớp học |
|  | Bài 25.NhữngnămđầucủacuộckhángchiếntoànquốcchốngthựcdânPháp (1946 - 1950). | 2 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 26. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 - 1953). | 2 | HK2 | Tranh ảnh, lượcđồ | Lớp học |
|  | Bài 27.CuộckhángchiếntoànquốcchốngthựcdânPhápxâm lược kết thúc (1953 - 1954). | 2 | HK2 | Máytính, các video | Lớp học |
|  | Lịch sử địaphương | 1 | HK2 | Tài liệu | Lớp học |
|  | Kiểm tra đánh giá giữa kì | 1 | HK2 | Đề kiểm tra | Lớp học |
|  | Bài 28.Xâydựngchủnghĩaxãhội ở miềnBắc, đấutranhchốngđếquốcMĩvàchínhquyềnSàiGòn ở miền Nam (1954 - 1965). | 3 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 29.Cả nước trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 - 1973). | 3 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 30.Hoànthànhgiảiphóngmiền Nam, thốngnhấtđấtnước (1973 - 1975). | 2 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Hoạtđộngtrảinghiệm | 2 | HK2 | Máy tính, tài liệu | Lớp học |
|  | Bài 31.Việt Nam trongnămđầusauđạithắngmùaXuân 1975. | 1 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 32: Xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1985) | 1 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Bài 33.Việt Nam trên đường đổi mới đi  Lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến năm 2000). | 1 | HK2 |  | Lớp học |
|  | Lịch sử địa phương | 1 | HK2 | Tài liệu | Lớp học |
|  | Kiểm tra cuối học kì II | 1 | HK2 | Đề kiểm tra | Lớp học |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Sử dụng ti vi tại các lớp tăng cường | 4 | Sử dụng bài giảng điện tử |  |
|  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[4]](#footnote-4)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
|  | **Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX**  - Mục II.2 Tiến hành xây dựng CNXH (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX) | 2 | - Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn :  + Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 70 thế kỉ XX :  · Liên Xô :  Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950)  Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội  · Các nước Đông Âu :  Thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân  Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.  + Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX : giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.  - Biết đánh giá những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu.  **-** Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn :  **+** Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 70 thế kỉ XX :  • Liên Xô :  Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 − 1950)  Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội  • Các nước Đông Âu :  Thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân  Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.  + Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX : giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.  - Biết đánh giá những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu. |
|  | **Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm**  **90 của thế kỷ XX**  - Mục II. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu | 1 | **-** Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn :  **+** Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 70 thế kỉ XX :  • Liên Xô :  Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 − 1950)  Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội  • Các nước Đông Âu :  Thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân  Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.  + Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX : giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.  - Biết đánh giá những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu.  **-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.  - Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.  - Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  - Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân. |
|  | **Bài 3. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa** | 1 | **-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.  - Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.  - Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  - Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân. |
|  | **Bài 4. Các nước châu Á**  - Mục II.2 Mười năm đầu xây  dựng chế độ mới (1949-1959)  - Mục II. 3 Đất nước trong thời kì  biến động (1959 – 1978)  - Mục II. 4 Công cuộc cải cách –  mở cửa (từ năm 1978 đến nay) | 1 | **-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.  - Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.  - Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  - Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân. |
|  | **Bài 5. Các nước Đông Nam Á**  - Mục III. Từ “ASEAN - 6” đến  “ASEAN - 10” | 1 | **-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.  - Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.  - Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  - Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân. |
|  | **Bài 6. Các nước châu Phi** | 1 | **-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.  - Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.  - Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  - Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân. |
|  | **Bài 7. Các nước Mĩ la-tinh** | 1 | **-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.  - Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.  - Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.  - Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân. |
|  | **Bài 8. Nước Mĩ**  - Mục II. Sự phát triển về khoa học  kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh | 1 | - Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.  **-** Chú ý :  + Mĩ : sự phát triển của khoa học – kĩ thuật. Chính sách đối nội, đối ngoại sau chiến tranh.  + Nhật Bản : sự khôi phục và tăng trưởng nhanh về kinh tế. Chính sách đối nội, đối ngoại.  + Tây Âu : sự liên kết khu vực ở Tây Âu. |
|  | **Bài 9. Nhật Bản**  - Mục III. Chính sách đối nội và  đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh | 1 | - Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.  **-** Chú ý :  + Mĩ : sự phát triển của khoa học – kĩ thuật. Chính sách đối nội, đối ngoại sau chiến tranh.  + Nhật Bản : sự khôi phục và tăng trưởng nhanh về kinh tế. Chính sách đối nội, đối ngoại.  + Tây Âu : sự liên kết khu vực ở Tây Âu. |
|  | **Bài 10. Các nước Tây Âu**  - Mục I. Tình hình chung | 1 | - Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.  **-** Chú ý :  + Mĩ : sự phát triển của khoa học – kĩ thuật. Chính sách đối nội, đối ngoại sau chiến tranh.  + Nhật Bản : sự khôi phục và tăng trưởng nhanh về kinh tế. Chính sách đối nội, đối ngoại.  + Tây Âu : sự liên kết khu vực ở Tây Âu. |
|  | **Bài 11. Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai** | 1 | **-** Hiểu được những nội dung cơ bản của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991.  - Sự hình thành trật tự thế giới mới và sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc.  - Những đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay. |
|  | **Bài 12. Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học − kĩ thuật**  - Mục I. Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật | 1 | **-** Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học –  kĩ thuật.  - Đánh giá được ý nghĩa, những tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật. |
|  | **Bài 13. Tổng kết lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay** | 1 |  |
|  | **Bài 14. Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất**  - Mục II. Các chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục | 1 | - Nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.  - Các xu thế phát triển của thế giới hiện nay |
|  | **Bài 15. Phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 - 1925)** | 2 | - Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp trong các lĩnh vực : nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế,...  - Sự biến đổi về mặt kinh tế, xã hội trên đất nước ta dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.  - Phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta trong những năm 1919 – 1929.  - Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến năm 1925, nêu được ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.  - Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản  liên đoàn.  - Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái. |
| 16 | **Bài 16. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925**  - Mục II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924)  - Mục III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 -1925) | 2 | - Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp trong các lĩnh vực : nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế,...  - Sự biến đổi về mặt kinh tế, xã hội trên đất nước ta dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.  - Phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta trong những năm 1919 – 1929.  - Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến năm 1925, nêu được ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta |
| 17 | **Bài 17. Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời**  - Mục I. Bước phát triển mới của  phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927)  - Mục IV. Ba tổ chức Cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929 |  | - Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản  liên đoàn.  - Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái. |
| 18 | **Bài 18. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời** | 2 | - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử.  - Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.  - Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931. Trình bày đôi nét về Xô viết Nghệ - Tĩnh.  - Những diễn biến chính của phong trào dân chủ những năm  1936 - 1939 : Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ý nghĩa. |
| 19 | **Bài 19. Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935**  - Mục II. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh | 1 | - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử.  - Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.  - Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931. Trình bày đôi nét về Xô viết Nghệ - Tĩnh. |
| 20 | **Bài 20. Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 - 1939** | 1 | - Những diễn biến chính của phong trào dân chủ những năm  1936 - 1939 : Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ý nghĩa. |
| 21 | **Bài 21. Việt Nam trong những năm 1939 -1945**  - Mục I. Tình hình thế giới và Đông Dương  - Mục II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên | 1 | - Tình hình thế giới và Đông Dương trong năm 1939 - 1945 ; các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương : nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.  - Tình cảnh nhân dân ta dưới hai tầng áp bức của Nhật - Pháp ;  các chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 (chú  ý việc đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và vai trò của lãnh tụ  Nguyễn Ái Quốc).  - Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trên khắp các vùng trong cả nước.  - Cao trào kháng Nhật cứu nước : nét chính về diễn biến, khí thế cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cả nước, bước phát triển mới của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chính quyền cách mạng bắt đầu hình thành. |
| 22 | **Bài 22. Cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945**  - Mục I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19-5-1941)  - Mục II.2 Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 | 2 | - Tình hình thế giới và Đông Dương trong năm 1939 - 1945 ; các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương : nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.  - Tình cảnh nhân dân ta dưới hai tầng áp bức của Nhật - Pháp ;  các chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 (chú  ý việc đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và vai trò của lãnh tụ  Nguyễn Ái Quốc).  - Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trên khắp các vùng trong cả nước.  - Cao trào kháng Nhật cứu nước : nét chính về diễn biến, khí thế cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cả nước, bước phát triển mới của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chính quyền cách mạng bắt đầu hình thành. |
| 23 | **Bài 23. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà** | 1 | - Thời cơ khởi nghĩa và lệnh Tổng khởi nghĩa.  - Cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc (diễn biến, đặc biệt chú ý khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn).  - Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ra bản Tuyên ngôn Độc lập.  - Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 24 | **Bài 24. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1946)**  - Mục II. Bước đầu xây dựng chế độ mới  - Mục IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược | 2 | - Nhận rõ tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 : chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", vì thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa,...  - Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài : xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân ; diệt giặc dốt, giặc đói và giặc ngoại xâm ; hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước  14 - 9 - 1946 ; ý nghĩa của những kết quả bước đầu đã đạt được. |
| 25 | **Bài 25. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)**  - Mục III. Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài  - Mục V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện | 2 | - Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950) :  + Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.  + Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ; đôi nét về diễn biến và ý nghĩa.  + Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.  + Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta : tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.  + Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.  - Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1950 đến năm 1953 : chiến dịch Biên giới thu − đông 1950 ; chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 – 1952 (chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc).  + Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.  + Đặt quan hệ ngoại giao với các nước.  + Đôi nét về Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 −1951).  - Cuộc tiến công chiến lược Đông − Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.  - Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị  Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.  - Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 − 1954). |
| 26 | **Bài 26. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 -1953)**  - Mục II. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp  - Mục V. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường | 2 | - Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950) :  + Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.  + Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ; đôi nét về diễn biến và ý nghĩa.  + Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.  + Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta : tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.  + Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.  - Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1950 đến năm 1953 : chiến dịch Biên giới thu − đông 1950 ; chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 – 1952 (chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc).  + Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.  + Đặt quan hệ ngoại giao với các nước.  + Đôi nét về Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 −1951).  - Cuộc tiến công chiến lược Đông − Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.  - Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị  Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.  - Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 − 1954). |
| 27 | **Bài 27. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953-1954)**  - Mục II. 1 Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954  - Mục III. Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông  Dương (1954) | 2 | - Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950) :  + Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.  + Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ; đôi nét về diễn biến và ý nghĩa.  + Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.  + Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta : tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.  + Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.  - Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1950 đến năm 1953 : chiến dịch Biên giới thu − đông 1950 ; chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 – 1952 (chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc).  + Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.  + Đặt quan hệ ngoại giao với các nước.  + Đôi nét về Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 −1951).  - Cuộc tiến công chiến lược Đông − Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.  - Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị  Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.  - Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 − 1954). |
| 28 | **Bài 28. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 -1965)**  - Mục II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 - 1960)  - Mục V.2 Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ | 3 |  |
| 29 | **Lịch sử địa phương** | 2 | - Biết được những nét chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  - Trình bày được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ  sản xuất.  - Trình bày được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960).  - Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).  - Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).  - Trình bày được những nội dung chính về cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ của nhân dân miền Nam (1961 − 1965) : âm mưu của Mĩ, trận Ấp Bắc, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố, sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.  - Nêu được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.  - Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam.  - Chỉ ra được những nội dung chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.  - Biết được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri.  - Nêu được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh. |
| 30 | **Bài 29. Cả nước trực tiếp chống Mĩ, cứu nước (1965- 1973)**  - Mục I.2 Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ  - Mục II. 2 Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất  - Mục III.2 Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ  - Mục IV.1 Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa  - Mục V. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam | 3 | - Biết được những nét chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  - Trình bày được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ  sản xuất.  - Trình bày được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960).  - Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).  - Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).  - Trình bày được những nội dung chính về cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ của nhân dân miền Nam (1961 − 1965) : âm mưu của Mĩ, trận Ấp Bắc, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố, sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.  - Nêu được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.  - Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam.  - Chỉ ra được những nội dung chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.  - Biết được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri.  - Nêu được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh. |
| 31 | **Bài 30. Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975)**  - Mục II. Đấu tranh chống “bình định - lấn chiếm”, tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam | 2 | - Biết được những nét chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  - Trình bày được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ  sản xuất.  - Trình bày được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960).  - Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).  - Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).  - Trình bày được những nội dung chính về cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ của nhân dân miền Nam (1961 − 1965) : âm mưu của Mĩ, trận Ấp Bắc, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố, sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.  - Nêu được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.  - Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam.  - Chỉ ra được những nội dung chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.  - Biết được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri.  - Nêu được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh. |
| 32 | **Bài 30. Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975) (tiếp theo)**  Lịch sử địa phương | 2 | - Biết được những nét chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  - Trình bày được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ  sản xuất.  - Trình bày được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960).  - Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).  - Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).  - Trình bày được những nội dung chính về cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ của nhân dân miền Nam (1961 − 1965) : âm mưu của Mĩ, trận Ấp Bắc, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố, sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.  - Nêu được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.  - Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam.  - Chỉ ra được những nội dung chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.  - Biết được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri.  - Nêu được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh. |
| 33 | **Bài 31. Việt Nam trong năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975**  **Bài 32. Xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1985)** | 1 | - Nêu được tình hình hai miền Bắc − Nam sau đại thắng mùa Xuân năm 1975.  - Nhận rõ ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử ngày 25 - 4 - 1976.  - Trình bày được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu tháng 7 - 1976).  - Nắm được nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 - 1976) :  - Nêu được thành tựu và những khó khăn, hạn chế cơ bản trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.  - Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây − Nam và biên giới phía Bắc, ý nghĩa của nó.  - Công cuộc đổi mới đất nước, thành tựu ban đầu, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực (là thành viên của tổ chức ASEAN...). |
| 34 | **Bài 33. Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến năm 2000)**  - Mục II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) | 1 | - Nêu được tình hình hai miền Bắc − Nam sau đại thắng mùa Xuân năm 1975.  - Nhận rõ ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử ngày 25 - 4 - 1976.  - Trình bày được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu tháng 7 - 1976).  - Nắm được nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 - 1976) :  - Nêu được thành tựu và những khó khăn, hạn chế cơ bản trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.  - Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây − Nam và biên giới phía Bắc, ý nghĩa của nó. |
| 35 | **Bài 34. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000** | 1 | Hướng dẫn hs tự học |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 7 | - Khái quát tình hình Liên Xô sau 1945  - Khái quát phong trào GPDT sau 1945 | Tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18,19 | Theo kế hoạch cùa nhà trường và của nhóm sau khi có sự chỉ đạo | Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 25 | LSVN từ 1939 - 1945 | Tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35,36 | Theo kế hoạch cùa nhà trường và của nhóm sau khi có sự chỉ đạo | Tự luận |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **NGUYỄN THỊ ÁI XUÂN** | Tp.HCM,ngày 20 tháng 9 năm 2022  **HIỆU TRƯỞNG**  (Ký và ghi rõ họ tên)  **NGUYỄN THỊ MỘNG ĐẸP** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình ch1o các môn [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-4)